

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
và báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 43

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các văn bản sửa đổi khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Hoàng Đình Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Johan Nyvene	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Ông Đoàn Văn Hinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2007
Ông Trịnh Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2007
Ông Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2013
Ông Johan Kruimer	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2007
Ông Fiachra Mac Cana	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2008
Ông Bạch Quốc Vinh	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2010
Ông Arnold V. Pangilinan	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Johan Nyvene, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 60790272/17105328

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty"), được lập Ngày 18 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



EY

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.729.375.462.393	2.768.235.282.081
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.506.623.089.077	1.007.873.885.140
111	1. Tiền		1.506.623.089.077	1.007.873.885.140
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	197.474.340.107	352.083.430.831
121	1. Đầu tư ngắn hạn		279.720.963.132	397.465.522.487
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(82.246.623.025)	(45.382.091.656)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	2.021.465.503.113	1.402.016.293.670
131	1. Phải thu khách hàng		1.796.217.100	1.390.133.377
132	2. Trả trước cho người bán		3.941.320.615	110.262.322
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		2.025.959.756.897	1.390.070.574.094
138	4. Các khoản phải thu khác		6.487.513.595	33.761.288.971
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.719.305.094)	(23.315.965.094)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.812.530.096	6.261.672.440
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.633.259.136	6.110.580.511
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		179.270.960	151.091.929
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		129.991.561.736	359.545.786.841
220	I. Tài sản cố định		8.423.595.801	7.370.462.750
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.379.088.951	5.685.717.561
222	- Nguyên giá		40.204.022.446	38.432.189.860
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.824.933.495)	(32.746.472.299)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.633.999.174	1.684.745.189
228	- Nguyên giá		23.089.878.017	21.963.858.667
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.455.878.843)	(20.279.113.478)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.410.507.676	-
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	229.370.665.250
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		-	229.370.665.250
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		-	229.370.665.250
260	III. Tài sản dài hạn khác		121.567.965.935	122.804.658.841
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	102.687.119.775	107.738.117.777
263	2. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	12	14.332.583.310	11.832.583.310
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	4.548.262.850	3.233.957.754
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.859.367.024.129	3.127.781.068.922

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.501.136.414.737	880.432.875.754
310	I. Nợ ngắn hạn		1.501.136.414.737	880.432.875.754
312	1. Phải trả người bán		1.861.719.700	1.464.675.431
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	25.004.270.953	39.092.023.179
316	3. Chi phí phải trả	15	24.509.074.595	20.041.416.663
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	70.701.055.922	5.646.682.698
320	5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	1.366.499.871.795	584.090.981.306
321	6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.008.561.292	6.175.409.201
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.551.860.480	6.443.177.708
327	8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	217.478.509.568
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	2.358.230.609.392	2.247.348.193.168
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.358.230.609.392	2.247.348.193.168
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		310.343.798.499	310.343.798.499
414	3. Cổ phiếu quỹ		(327.808.838)	(123.551.893)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.961.374.994	3.961.374.994
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		182.241.735.237	144.626.530.513
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		589.443.929.500	515.972.461.055
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.859.367.024.129	3.127.781.068.922

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	345.059.000	345.059.000
005	2. Ngoại tệ các loại	630.227.456	150.590.712
006	3. Chứng khoán lưu ký	8.014.031.350.000	7.969.306.770.000
	Trong đó:		
007	3.1. Chứng khoán giao dịch	6.592.209.670.000	7.061.036.830.000
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	37.433.960.000	69.110.190.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	6.406.281.610.000	6.811.983.200.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	148.494.100.000	179.943.440.000
012	3.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	42.884.600.000	73.025.060.000
013	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	200.000.000	-
014	3.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	40.484.600.000	70.785.060.000
015	3.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.200.000.000	2.240.000.000
017	3.3. Chứng khoán cầm cố	321.512.960.000	257.638.210.000
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	297.904.860.000	234.030.110.000
020	3.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	23.608.100.000	23.608.100.000
027	3.4. Chứng khoán chờ thanh toán	1.049.305.470.000	481.513.680.000
028	3.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	8.190.000	2.175.400.000
029	3.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	1.049.058.280.000	478.551.280.000
030	3.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	239.000.000	787.000.000
037	3.5. Chứng khoán chờ giao dịch	8.118.650.000	96.092.990.000
038	3.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	70.000	2.798.080.000
039	3.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	7.296.370.000	93.077.280.000
040	3.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	822.210.000	217.630.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
050	4. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	651.413.380.000	441.506.360.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	4.1. Chứng khoán giao dịch	645.658.480.000	438.638.920.000
052	4.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	2.931.610.000	4.584.740.000
053	4.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	630.781.250.000	425.652.930.000
054	4.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	11.945.620.000	8.401.250.000
056	4.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	873.500.000	946.340.000
057	4.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	354.000.000	354.000.000
058	4.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	519.500.000	592.340.000
061	4.3. Chứng khoán cầm cố	1.300.000.000	1.300.000.000
063	4.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	1.300.000.000	1.300.000.000
071	4.4. Chứng khoán chờ thanh toán	3.401.400.000	441.100.000
073	4.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	3.401.400.000	441.100.000
076	4.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	180.000.000	180.000.000
078	4.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	180.000.000	180.000.000
083	5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	55.268.770.000	47.956.980.000



Hồ Thị Thu Thảo
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính





Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		831.135.291.006	634.759.577.700
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		299.431.882.181	199.104.183.216
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		194.425.395.876	152.918.931.927
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		19.029.812	2.880.000.000
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	45.954.595
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		12.362.171.402	16.399.063.998
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.502.787.744	3.710.638.724
01.9	Doanh thu khác	19	321.394.023.991	259.700.805.240
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		831.135.291.006	634.759.577.700
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(262.284.254.449)	(176.670.627.586)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		568.851.036.557	458.088.950.114
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(87.407.721.377)	(83.378.406.743)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		481.443.315.180	374.710.543.371
31	7. Thu nhập khác		4.090.909	717.818.940
32	8. Chi phí khác		-	-
40	9. Lợi nhuận khác		4.090.909	717.818.940
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		481.447.406.089	375.428.362.311
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(105.295.358.840)	(93.254.051.563)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		376.152.047.249	282.174.310.748
70	13. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	26	2.956	2.241

Chao

Lâm Hữu Hồ



Johan Nyvene

Hồ Thị Thu Thảo
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính

Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		481.447.406.089	375.428.362.311
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	20, 21		
	- Khấu hao TSCĐ		4.255.226.561	7.824.033.495
03	- Trích lập (hoàn nhập) khoản dự phòng		30.267.871.369	(5.609.255.984)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(119.616.575.866)	(178.135.467.936)
06	- Chi phí lãi vay		6.488.285.876	24.294.038.018
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		402.842.214.029	223.801.709.904
09	- Tăng các khoản phải thu		(627.738.762.673)	(766.005.026.845)
10	- Giảm (tăng) đầu tư ngắn hạn		117.744.559.355	(193.959.397.311)
11	- Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		572.082.214.753	(54.208.620.750)
12	- Giảm chi phí trả trước		7.528.319.377	3.858.223.872
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.951.035.444)	(43.243.852.375)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22.1	(123.582.104.212)	(68.737.158.706)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.791.497.842)	(11.509.544.224)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		295.133.907.343	(910.003.666.435)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.308.359.612)	(3.175.695.573)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	139.600.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.356.507.877.419)	(702.167.585.247)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.622.629.521.118	801.493.109.590
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	190.531.576.198
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		95.251.810.647	129.470.299.469
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		356.065.094.734	416.291.304.437

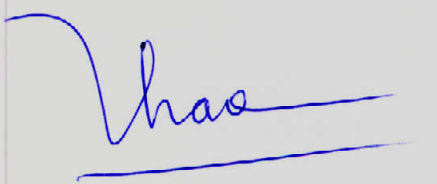
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và thanh lý cổ phiếu quỹ - Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu - Tiền thu được từ bán cổ phiếu quỹ		- - -	19.171.415.000 12.000.000.000 7.171.415.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(4.256.945)	(1.320.930)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		350.000.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(350.000.000.000)	(110.000.000.000)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.2	(152.445.541.195)	(201.786.823.825)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính trong năm		(152.449.798.140)	(292.616.729.755)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		498.749.203.937	(786.329.091.753)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	1.007.873.885.140	1.794.202.976.893
70	Tiền và tương đương cuối năm	4	1.506.623.089.077	1.007.873.885.140



Hồ Thị Thu Thảo
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính





Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

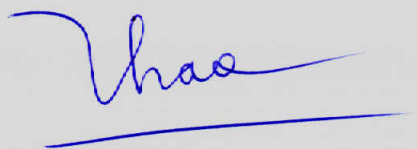
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B05-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn cổ phần	18	1.008.486.370.000	1.272.567.580.000	264.081.210.000	-	-	-	1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	18	560.834.915.000	310.343.798.499	1.590.093.499	(252.081.210.000)	-	-	310.343.798.499	310.343.798.499
3. Cổ phiếu quỹ	18	(5.165.052.464)	(123.551.893)	(539.820.930)	5.581.321.501	(204.256.945)	-	(123.551.893)	(327.808.838)
4. Quỹ đầu tư phát triển		3.961.374.994	3.961.374.994	-	-	-	-	3.961.374.994	3.961.374.994
5. Quỹ dự phòng tài chính		116.409.099.437	144.626.530.513	28.217.431.076	-	37.615.204.724	-	144.626.530.513	182.241.735.237
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		477.987.318.312	515.972.461.055	282.174.310.748	(244.189.168.005)	376.152.047.249	(302.680.578.804)	515.972.461.055	589.443.929.500
TỔNG CỘNG		2.162.514.025.279	2.247.348.193.168	575.523.224.393	(490.689.056.504)	413.562.995.028	(302.680.578.804)	2.247.348.193.168	2.358.230.609.392



Hồ Thị Thu Thảo
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính




Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các văn bản sửa đổi khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower số 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 573 người (31 tháng 12 năm 2013: 503 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 6 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146"). Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và được áp dụng kể từ năm tài chính 2014.

Thông tư 146 bổ sung quy định về việc xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Cụ thể như sau:

- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định trên cho năm tài chính 2014.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.9 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.9.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những khoản đầu tư vào những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.9.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có bất cứ nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Bộ Luật Lao động.

3.13.3 Dự phòng trợ cấp mất việc

Trợ cấp mất việc làm phát sinh từ nghĩa vụ liên đới khi Công ty có kế hoạch chi tiết chính thức về việc tái cơ cấu và tạo nên kỳ vọng ở các đối tượng bị ảnh hưởng rằng Công ty sẽ thực hiện việc tái cơ cấu thông qua việc triển khai kế hoạch đó hoặc thông báo các vấn đề chính cho các đối tượng bị ảnh hưởng. Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương theo Luật Lao động và các hướng dẫn có liên quan. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.13.4 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

3.19 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ
Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	719.861.313	267.071.773
Tiền gửi ngân hàng	1.505.903.227.764	1.007.606.813.367
Trong đó:		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	785.674.755.469	613.701.593.461
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh số 17)	720.228.472.295	393.905.219.906
TỔNG CỘNG	<u>1.506.623.089.077</u>	<u>1.007.873.885.140</u>

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)</u>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	183.729.016	3.599.016.217.326
- Trái phiếu	51.820.100	5.021.224.401.455
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	7.803.988.512	153.935.631.027.504
- Trái phiếu	451.972.983	47.875.745.052.676
TỔNG CỘNG	<u>8.491.510.611</u>	<u>210.431.616.698.961</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			VNĐ		
			Tăng	Giảm	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Cổ phiếu niêm yết	4.746.017	131.920.049.245	251.194.428	(5.420.132.273)	126.751.111.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.576.377	147.800.913.887	812.205.615	(76.826.490.752)	71.786.628.750
TỔNG CỘNG	10.322.394	279.720.963.132	1.063.400.043	(82.246.623.025)	198.537.740.150

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu năm	45.382.091.656	51.002.564.282
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh số 20)	44.894.071.082	8.067.292.769
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 20)	(8.029.539.713)	(13.687.765.395)
Dự phòng giảm giá cuối năm	82.246.623.025	45.382.091.656

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-GTK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bị giảm giá:

Chỉ tiêu	VNĐ					
	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
<i>Cổ phiếu niêm yết:</i>	110.606.876.406	76.942.743.995	(5.420.132.273)	(4.340.070.456)	105.186.744.133	62.471.074.000
Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC)	69.317.596.819	133.455	(1.633.436.419)	-	67.684.160.400	153.000
Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long (NLG)	18.000.116.400	49.410	(240.000.000)	-	17.760.116.400	51.600
Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)	13.116.289.405	-	(615.041.405)	-	12.501.248.000	-
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (VTB)	8.469.329.847	8.568.893.944	(2.777.875.647)	(3.263.961.844)	5.691.454.200	5.304.932.100
Công ty Cổ phần Tasco (HUT)	1.155.000.000	-	(90.000.000)	-	1.065.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (TIG)	529.000.000	186.505.125	(59.000.000)	-	470.000.000	195.150.000
Các cổ phiếu khác	19.543.935	68.187.162.061	(4.778.802)	(1.076.108.612)	14.765.133	56.970.787.300
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết:</i>	107.434.512.502	97.565.012.502	(76.826.490.752)	(41.042.021.200)	30.608.021.750	56.522.991.302
Công ty Cổ phần Lạc Việt	30.750.000.000	30.750.000.000	(22.350.000.000)	(4.350.000.000)	8.400.000.000	26.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	16.967.999.502	16.967.999.502	(11.425.935.502)	(9.410.708.200)	5.542.064.000	7.557.291.302
Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Bình	12.025.000.000	11.925.000.000	(5.715.000.000)	(3.825.000.000)	6.310.000.000	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	10.950.030.000	10.950.030.000	(10.365.030.000)	(6.562.530.000)	585.000.000	4.387.500.000
Công ty Cổ phần CBTSXK Minh Hải	8.000.000.000	8.000.000.000	(7.670.000.000)	(6.350.000.000)	330.000.000	1.650.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	7.549.983.000	7.549.983.000	(5.389.983.000)	(3.229.983.000)	2.160.000.000	4.320.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	5.442.600.000	522.000.000	(4.302.600.000)	-	1.140.000.000	522.000.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	4.406.400.000	-	(2.205.560.000)	-	2.200.840.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cần Thơ	4.900.000.000	4.900.000.000	(3.313.882.250)	(3.313.800.000)	1.586.117.750	1.586.200.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	442.500.000	-	(88.500.000)	-	354.000.000	-
TỔNG CỘNG	218.041.388.908	174.507.756.497	(82.246.623.025)	(45.382.091.656)	135.794.765.883	118.994.065.302

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

B09-GTK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	VND								
	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	1.390.133.377	-	1.275.517.100	564.466.298.218	(564.060.214.495)	1.796.217.100	-	1.275.517.100	1.275.517.100
- Phải thu dịch vụ tư vấn	1.260.266.277	-	1.145.650.000	12.392.631.089	(11.986.547.366)	1.666.350.000	-	1.145.650.000	1.145.650.000
- Phải thu hoạt động tự doanh	129.867.100	-	129.867.100	552.073.667.129	(552.073.667.129)	129.867.100	-	129.867.100	129.867.100
2. Trả trước cho người bán	110.262.322	-	-	4.530.389.095	(699.330.802)	3.941.320.615	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.390.070.574.094	-	15.443.787.994	216.180.766.538.233	(215.544.877.355.430)	2.025.959.756.897	-	15.443.787.994	15.443.787.994
- Phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ (i)	1.030.851.714.723	-	-	14.646.737.149.450	(14.333.899.715.929)	1.343.689.148.244	-	-	-
- Phải thu Trung tâm Lưu ký về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán (ii)	246.084.956.061	-	-	197.629.069.835.068	(197.236.107.883.579)	639.046.907.550	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư (iii)	78.407.415.356	-	15.443.787.994	3.536.920.688.837	(3.572.350.934.191)	42.977.170.002	-	15.443.787.994	15.443.787.994
- Phải thu nhà đầu tư nước ngoài	475.987.954	-	-	99.304.287.135	(99.533.743.988)	246.531.101	-	-	-
- Phải thu nhà đầu tư giao dịch cổ phiếu	1.388.000.000	-	-	268.734.577.743	(270.122.577.743)	-	-	-	-
- Phải thu từ hợp đồng đặt cọc mua cổ phần	20.000.000.000	-	-	-	(20.000.000.000)	-	-	-	-
- Phải thu phí tư vấn	12.862.500.000	-	-	-	(12.862.500.000)	-	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	33.761.288.971	6.596.660.000	-	230.326.551.778	(257.600.327.154)	6.487.513.595	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi Ngân hàng	4.219.222.913	-	-	4.294.054.948	(3.308.640.885)	5.204.636.976	-	-	-
- Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu	14.451.545.784	6.596.660.000	-	-	(13.287.545.784)	1.164.000.000	-	-	-
- Phải thu lãi trái phiếu	13.371.627.293	-	-	5.748.822.567	(19.120.449.860)	-	-	-	-
- Phải thu lãi từ hợp đồng đặt cọc mua cổ phần	50.000.000	-	-	5.000.000	(55.000.000)	-	-	-	-
- Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại trái phiếu	-	-	-	219.172.000.000	(219.172.000.000)	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.668.892.981	-	-	1.106.674.263	(2.656.690.625)	118.876.619	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.425.332.258.764	6.596.660.000	16.719.305.094	216.980.089.777.324	(216.367.237.227.881)	2.038.184.808.207	-	16.719.305.094	16.719.305.094

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn không quá ba (3) tháng và lãi suất từ 11%/năm đến 15,6%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Đây là các khoản phải thu từ Trung tâm Lưu ký về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong 3 ngày cuối năm.
- (iii) Bao gồm trong số dư cuối năm là khoản nợ khó đòi với số tiền 15.443.859.795 đồng liên quan đến các nghiệp vụ mua cổ phiếu của một công ty mà nhà đầu tư mất khả năng thanh toán. Các nghiệp vụ này đã phát sinh trong các năm trước và khoản dự phòng nợ khó đòi đã được trích lập đầy đủ.

7.2 Tình hình trích lập các khoản phải thu khó đòi

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	23.315.965.094	23.304.748.452
Số trích lập trong năm (Thuyết minh số 21)	-	11.288.443
Số hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 21)	(6.596.660.000)	(71.801)
Số dư cuối năm	16.719.305.094	23.315.965.094

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.110.580.511	3.659.266.484
Tăng trong năm	26.020.747.717	28.717.627.537
Kết chuyển từ tài sản cố định	-	535.838.128
	32.131.328.228	32.912.732.149
Phân bổ trong năm	(28.498.069.092)	(26.802.151.638)
Số dư cuối năm	3.633.259.136	6.110.580.511

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	3.474.189.544	34.958.000.316	38.432.189.860
Tăng trong năm	-	1.771.832.586	1.771.832.586
Số dư cuối năm	<u>3.474.189.544</u>	<u>36.729.832.902</u>	<u>40.204.022.446</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>			30.727.572.352
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	2.419.997.394	30.326.474.905	32.746.472.299
Tăng trong năm	188.537.232	2.889.923.964	3.078.461.196
Số dư cuối năm	<u>2.608.534.626</u>	<u>33.216.398.869</u>	<u>35.824.933.495</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>1.054.192.150</u>	<u>4.631.525.411</u>	<u>5.685.717.561</u>
Số dư cuối năm	<u>865.654.918</u>	<u>3.513.434.033</u>	<u>4.379.088.951</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	21.963.858.667
Tăng trong năm	1.126.019.350
Số dư cuối năm	<u>23.089.878.017</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	19.181.199.517
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	20.279.113.478
Tăng trong năm	1.176.765.365
Số dư cuối năm	<u>21.455.878.843</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>1.684.745.189</u>
Số dư cuối năm	<u>1.633.999.174</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí tiền thuê văn phòng (*)	102.144.206.606	107.196.497.946
Chi phí vật dụng văn phòng	343.369.022	-
Chi phí cải tạo văn phòng	199.544.147	541.619.831
TỔNG CỘNG	<u>102.687.119.775</u>	<u>107.738.117.777</u>

(*) Bao gồm trong số này là khoản tiền 101.034.431.435 đồng còn lại chưa phân bổ của giá trị hợp đồng thuê văn phòng tại AB Tower với diện tích là 1.802 m² cho thời hạn còn lại là 36 năm.

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	107.738.117.777	113.511.817.548
Tăng trong năm	629.800.676	-
	108.367.918.453	113.511.817.548
Phân bổ trong năm	(5.680.798.678)	(5.773.699.771)
Số dư cuối năm	<u>102.687.119.775</u>	<u>107.738.117.777</u>

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước, nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền lãi nhận được đến hết năm 2013	2.173.973.119
Tiền nộp bổ sung đến hết năm 2013	9.538.610.191
Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	11.832.583.310
Tiền nộp bổ sung trong năm 2014	1.196.683.208
Lãi nhận được trong năm 2014	1.303.316.792
Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>14.332.583.310</u>

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

		VNĐ			
STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.962.434.683	105.295.358.840	(123.582.104.212)	15.675.689.311
2	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2.385.400.301	54.369.320.497	(52.132.208.585)	4.622.512.213
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ doanh nghiệp nước ngoài	1.992.175.242	18.012.441.656	(17.599.870.329)	2.404.746.569
4	Thuế nhà thầu	155.917.607	3.558.200.696	(2.539.661.058)	1.174.457.245
5	Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	584.533.233	17.293.841.891	(16.927.610.684)	950.764.440
6	Thuế giá trị gia tăng	11.562.113	1.139.214.215	(974.675.153)	176.101.175
7	Thuế môn bài	-	8.500.000	(8.500.000)	-
		39.092.023.179	199.676.877.795	(213.764.630.021)	25.004.270.953

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phụ cấp hoàn thành công việc phải trả cho nhân viên	18.000.000.000	12.000.000.000
Phí môi giới phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán ("GDCK")	4.413.444.803	2.998.338.694
Chi phí phải trả khác	2.095.629.792	5.043.077.969
TỔNG CỘNG	<u>24.509.074.595</u>	<u>20.041.416.663</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	67.067.361.859	3.222.562.754
Kinh phí công đoàn	1.970.347.488	1.800.678.317
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	109.286.769	45.241.318
Bảo hiểm thất nghiệp	58.817.736	58.777.736
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.495.242.070	519.422.573
TỔNG CỘNG	<u>70.701.055.922</u>	<u>5.646.682.698</u>

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán GDCK của nhà đầu tư	720.228.472.295	393.905.219.906
Phải trả NĐT tiền bán chứng khoán chờ về	639.100.199.500	190.000.000.000
Phải trả NĐT đặt cọc mua cổ phiếu	7.171.200.000	-
Phải trả đầu giá cổ phiếu	-	185.761.400
TỔNG CỘNG	<u>1.366.499.871.795</u>	<u>584.090.981.306</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Chi tiết vốn góp

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vốn góp	1.272.567.580.000	1.272.567.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	310.343.798.499	310.343.798.499
Cổ phiếu quỹ	(327.808.838)	(123.551.893)
TỔNG CỘNG	<u>1.582.583.569.661</u>	<u>1.582.787.826.606</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã trả trong năm		
- Cổ tức trả cho các năm trước	19.200.000	629.577.200
- Cổ tức đợt 2 cho năm 2012: 1.500 đồng/cổ phiếu	-	150.716.972.250
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2013: 500 đồng/cổ phiếu	-	50.440.274.375
- Cổ tức đợt 2 cho năm 2013: 1.200 đồng/cổ phiếu	152.426.341.195	-
TỔNG CỘNG	152.445.541.195	201.786.823.825

18.3 Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	127.256.758	127.256.758
Số lượng cổ phiếu đã phát hành <i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	127.256.758	127.256.758
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	27.175	7.038
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	127.229.583	127.249.720

19. DOANH THU KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	244.351.278.978	152.720.941.753
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	67.240.846.714	90.726.657.494
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	4.434.997.453	2.943.006.362
Doanh thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	3.040.279.838	6.316.753.467
Lãi từ hợp đồng đặt cọc mua cổ phần	55.000.000	5.585.000.000
Doanh thu khác	2.271.621.008	1.408.446.164
TỔNG CỘNG	321.394.023.991	259.700.805.240

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	92.922.418.194	58.213.022.191
Chi phí môi giới chứng khoán	59.515.773.909	41.964.185.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.494.009.818	25.207.165.923
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	16.384.828.032	10.299.662.366
Chi phí tư vấn quản lý thuê ngoài	12.560.055.469	13.363.639.368
Chi phí hoạt động bán và cam kết mua lại trái phiếu	4.186.202.543	18.056.253.211
Chi phí lưu ký chứng khoán	3.559.399.407	3.842.101.835
Chi phí lãi vay	2.302.083.333	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.645.673.885	2.692.159.372
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	1.279.280.378	502.313.030
Lãi trái phiếu phát hành	-	6.237.784.807
Chi phí khác	4.569.998.112	1.912.812.847
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	44.894.071.082	8.067.292.769
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	<u>(8.029.539.713)</u>	<u>(13.687.765.395)</u>
TỔNG CỘNG	<u>262.284.254.449</u>	<u>176.670.627.586</u>

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	54.000.342.982	45.263.635.002
Chi phí thuê văn phòng	15.486.840.239	16.215.281.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.405.906.453	13.971.680.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.609.552.676	5.131.874.123
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	652.149.080	233.916.726
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	415.980.096	532.691.887
Thuế, phí và lệ phí	251.997.184	346.752.944
Chi phí khác bằng tiền	3.181.612.667	1.671.357.080
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	11.288.443
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	<u>(6.596.660.000)</u>	<u>(71.801)</u>
TỔNG CỘNG	<u>87.407.721.377</u>	<u>83.378.406.743</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (năm 2013: 25%).

Công ty đã được cơ quan thuế quyết toán đến hết năm 2013.

22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm 2014 và năm 2013 được trình bày dưới đây:

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	481.447.406.089	375.428.362.311
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ	1.292.420.014	761.925.168
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(4.124.558.645)	(2.759.257.235)
- Hoàn nhập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	-	(414.823.992)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	478.615.267.458	373.016.206.252
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	105.295.358.840	93.254.051.563
Thuế TNDN phải trả đầu năm	33.962.434.683	9.445.541.826
Thuế TNDN đã trả trong năm	(123.582.104.212)	(68.737.158.706)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	15.675.689.311	33.962.434.683

22.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 30,87% cổ phần Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của DC Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là đại diện phần vốn của DC
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 29,47% cổ phần Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của HFIC Ủy viên HĐQT của Công ty là Trưởng phòng kế hoạch của HFIC
Vietnam Debt Fund SPC (VDF)	Công ty con của DC
Vietnam Enterprise Investments	Công ty con của DC
Amersham Industries Limited	Công ty con của DC
Vietnam Property Fund Limited	Công ty con của DC
Cam Vietnam Mother Fund	Công ty con của DC
DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Công ty con của DC

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND Giá trị</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông chiến lược	Cổ tức đợt 2 năm 2013	47.134.572.000
		Cổ tức đợt 1 năm 2014	19.639.405.000
		Chi phí phí tư vấn	10.710.271.469
		Bán trái phiếu	55.583.000.000
		Môi giới bán chứng khoán	115.725.500.000
		Môi giới mua chứng khoán	30.150.000.000
		Doanh thu phí môi giới	23.145.100
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đông chiến lược	Cổ tức đợt 2 năm 2013	45.000.000.000
		Cổ tức đợt 1 năm 2014	18.750.000.000
		Môi giới bán chứng khoán	54.776.917.000
		Doanh thu phí môi giới	82.165.414
Vietnam Debt Fund SPC.	Bên liên quan	Môi giới bán chứng khoán	234.358.000.000
		Môi giới mua chứng khoán	55.583.000.000
		Doanh thu phí môi giới	57.988.200
		Mua cam kết bán lại trái phiếu (giao dịch mua)	50.000.000.000
		Mua cam kết bán lại trái phiếu (giao dịch bán)	45.201.933.330

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>VND</u> <u>Giá trị</u>
Vietnam Enterprise Investments Limited	Bên liên quan	Môi giới bán chứng khoán Môi giới mua chứng khoán Doanh thu phí môi giới	1.108.671.899.800 626.913.839.100 2.603.378.913
Amersham Industries Limited	Bên liên quan	Môi giới bán chứng khoán Môi giới mua chứng khoán Doanh thu phí môi giới	957.086.392.360 270.424.735.000 1.901.266.983
Vietnam Property Fund Limited	Bên liên quan	Môi giới bán chứng khoán Doanh thu phí môi giới	112.611.773.480 168.917.661
Cam Vietnam Mother Fund	Bên liên quan	Môi giới bán chứng khoán Môi giới mua chứng khoán Doanh thu phí môi giới	425.575.360.752 78.901.910.000 686.055.914
DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Bên liên quan	Môi giới mua chứng khoán Môi giới bán chứng khoán Doanh thu phí môi giới	72.622.537.000 43.765.257.000 174.581.761

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>VND</u> <u>Phải trả</u>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông chiến lược	Cổ tức đợt 1 năm 2014	19.639.405.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đông chiến lược	Cổ tức đợt 1 năm 2014 Tiền gửi giao dịch chứng khoán	18.750.000.000 24.418.485

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.398.371.308 đồng (bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

VNĐ

	<i>Mỗi giới và dịch vụ khách hàng</i>	<i>Tự doanh</i>	<i>Tư vấn</i>	<i>Kinh doanh nguồn vốn</i>	<i>Các bộ phận khác</i>	<i>Không phân bổ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	302.934.669.925	194.425.395.876	12.362.171.402	319.067.402.983	2.345.650.820	-	831.135.291.006
2. Các chi phí trực tiếp	119.672.297.267	22.718.800.488	643.575.084	200.924.959.704	1.477.116.722	-	345.436.749.265
3. Chi phí khấu hao	1.392.864.917	2.919.314	1.152.734	2.807.000.406	51.289.190	-	4.255.226.561
4. Lợi nhuận khác	-	-	-	-	4.090.909	-	4.090.909
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	181.869.507.741	171.703.676.074	11.717.443.584	115.335.442.873	821.335.817	-	481.447.406.089
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>							
1. Tài sản bộ phận	656.559.788.302	197.474.340.107	1.666.350.000	2.882.931.742.129	1.403.366.265	-	3.740.035.586.803
2. Tài sản phân bổ	84.167.293.483	1.160.928.186	2.321.856.372	1.934.880.310	21.283.683.410	-	110.868.641.761
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	8.462.795.565	8.462.795.565
Tổng tài sản	740.727.081.785	198.635.268.293	3.988.206.372	2.884.866.622.439	22.687.049.675	8.462.795.565	3.859.367.024.129
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.372.563.431.024	-	-	-	1.354.526.188	-	1.373.917.957.212
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	127.218.457.525	127.218.457.525
Tổng nợ phải trả	1.372.563.431.024	-	-	-	1.354.526.188	127.218.457.525	1.501.136.414.737

Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang thuê các văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Tại thành phố Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower, số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1.
- Văn phòng chi nhánh tại tầng 1, số 6 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1.
- Phòng giao dịch tại 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1.
- Phòng giao dịch tại 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5.
- Phòng giao dịch tại tầng trệt, tòa nhà Centre Point, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận.
- Kho lưu trữ chứng từ tại 81 đường 42, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2.

Tại Hà Nội:

- Văn phòng chi nhánh tại 66A Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm.
- Phòng giao dịch tại tầng 2 tòa nhà B14, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa.
- Phòng giao dịch tại tầng 6, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa.
- Kho lưu trữ chứng từ tại P803, Tầng 8 CT5, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Đến 1 năm	10.113.773.140	7.924.500.060
Trên 1 năm đến 5 năm	23.221.002.507	9.692.937.830
Trên 5 năm	354.665.228	-
TỔNG CỘNG	<u>33.689.440.875</u>	<u>17.617.437.890</u>

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	376.152.047.249	282.174.310.748
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	127.232.806	125.926.782
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	2.956	2.241

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giá định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giá định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và đầu tư trái phiếu của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì đa phần các khoản vay trong năm này có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 126.751.111.400 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VNĐ		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư cuối năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.359.328.671.795	7.171.200.000	1.366.499.871.795
Chi phí phải trả	-	6.509.074.595	6.509.074.595
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>2.751.650.573</u>	<u>68.995.722.012</u>	<u>71.747.372.585</u>
	<u>1.362.080.322.368</u>	<u>82.675.996.607</u>	<u>1.444.756.318.975</u>
Số dư đầu năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	583.905.219.906	185.761.400	584.090.981.306
Phải trả giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu			
Chính phủ	-	217.478.509.568	217.478.509.568
Chi phí phải trả	-	7.993.566.663	7.993.566.663
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>3.231.661.643</u>	<u>1.464.675.431</u>	<u>4.696.337.074</u>
	<u>587.136.881.549</u>	<u>227.122.513.062</u>	<u>814.259.394.611</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC đối với các công cụ tài chính:

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	VNĐ			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu niêm yết	131.920.049.245	278.096.882.985	126.751.111.400	332.092.081.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	147.800.913.887	119.368.639.502	71.786.628.750	78.326.618.302
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi ngắn hạn	1.482.000.000.000	978.900.000.000	1.482.000.000.000	978.900.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	2.038.811.977.052	1.428.468.801.970	(*)	(*)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
- Chứng khoán sẵn sàng để bán				
Trái phiếu	-	229.370.665.250	-	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.623.089.077	28.973.885.140	24.623.089.077	28.973.885.140
Tổng cộng	3.825.156.029.261	3.063.178.874.847		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.366.499.871.795	584.090.981.306	(*)	(*)
Chi phí phải trả	6.509.074.595	7.993.566.663	(*)	(*)
Phải trả giao dịch bán cam kết mua lại trái phiếu				
Chính phủ	-	217.478.509.568	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	71.747.372.585	4.696.337.074	(*)	(*)
Tổng cộng	1.444.756.318.975	814.259.394.611		

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hồ Thị Thu Thảo
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính



Johan Nyvene
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015